TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2022/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 03 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự***:

Bà Cao Thị Mỹ H - Sinh năm: 1979;

Địa chỉ: thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Ông Nguyễn K - Sinh năm: 1977;

Địa chỉ: thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 23 - 02 - 2022 bà Cao Thị Mỹ H và ông Nguyễn K xác định quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyễn thuận tình ly hôn. Vì vậy, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Cao Thị Mỹ H và ông Nguyễn K tự nguyện tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2001, thời điểm kết hôn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số 51/2001/GCNKH ngày 14/9/2001 do UBND xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp, nên hôn nhân giữa bà Cao Thị Mỹ H và ông Nguyễn K là hôn nhân hợp pháp.

[3] ***Về con chung***: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Bà Cao Thị Mỹ H và ông Nguyễn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] ***Về lệ phí Tòa án***: Bà Cao Thị Mỹ H tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị Mỹ H và ông Nguyễn K.
- ***Về con chung***: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- ***Về tài sản chung***: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
- ***Về các vấn đề khác***: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. ***Về lệ phí Tòa án***:

Bà Cao Thị Mỹ H tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) lệ phí Tòa án, nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002343 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Cao Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tùng